

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị T, sinh năm 1983; thường trú: 158/35/56 đường V, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Trần Văn Th, sinh năm 1979; thường trú: 158/35/56 đường Vững Việt, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu, bà Phạm Thị T và ông Trần Văn Th tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, thành phố H. Việc kết hôn của bà T và ông Th là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Th thường xuyên uống rượu về nhà chửi bà T, hơn nữa vợ chồng cũng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Cuộc sống vợ chồng ngày càng ngột ngạt, dẫn đến bà T không còn tình cảm với ông Th. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Th.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 25/01/2003 và Trần Hương T, sinh ngày 19/4/2004. Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn Th: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Th có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông Th không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông Th tham gia hòa giải vào ngày 14/3/2023 và 05/4/2023 nhưng ông Th vắng mặt không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông Th tham gia phiên tòa vào ngày 05/5/2023 và ngày 26/5/2023 nhưng ông Th vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T được xem xét trên cơ sở chứng cứ do bà T cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 05/5/2023 và ngày 26/5/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn Th đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị T và ông Trần Văn Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, thành phố H vào ngày 25/3/2002 theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2002 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, bà T xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do ông Th thường xuyên uống rượu, về nhà chửi bà T, vợ chồng cũng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Cuộc sống vợ chồng ngày càng ngọt ngạt, dẫn đến bà T không còn tình cảm với ông Th. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập ông Th đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng ông Th không đến. Điều này chứng tỏ bản thân ông Th cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn bà T xác định không còn tình cảm với ông Th. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 25/01/2003 và Trần Hương T, sinh ngày 19/4/2004. Các con chung đã trưởng thành, bà T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Phạm Thị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T về việc tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông Trần Văn Th.

Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Trần Văn Th (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, thành phố H vào ngày 25/3/2002).

Về con chung: 02 con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 25/01/2003 và Trần Hương T, sinh ngày 19/4/2004, đã trưởng thành, bà Phạm Thị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Phạm Thị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006043 ngày 31/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

